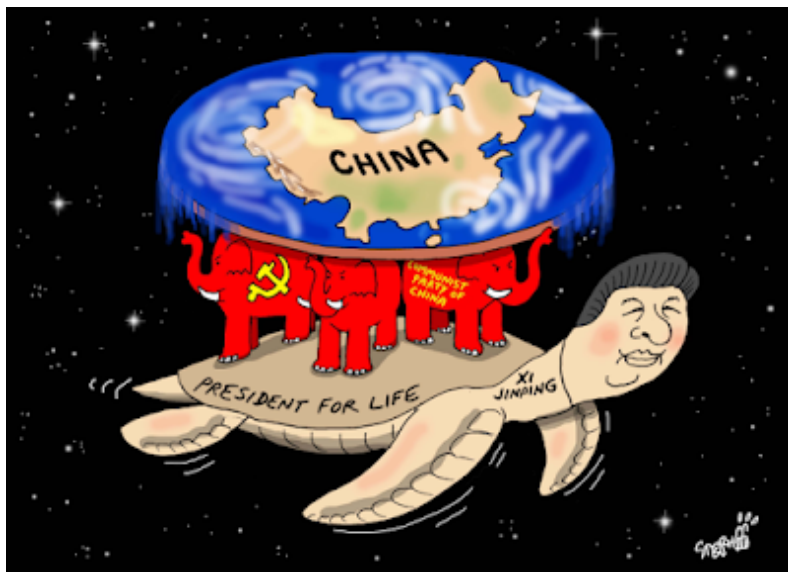


Trần Văn Thọ - Thế giới không phải chỉ có Trung Quốc



Trung Quốc là một nước rất lớn và do các điều kiện về địa lý, lịch sử, văn hóa, Việt Nam đã chịu ảnh hưởng nhiều từ lân bang phương Bắc này. Có cả ảnh hưởng tốt và ảnh hưởng xấu.

Nếu Việt Nam chủ động, không chỉ biết có Trung Quốc mà nhìn thế giới rộng hơn để so sánh, chọn lựa đường lối cải cách và nguồn lực phát triển thì tránh được những ảnh hưởng xấu từ nước này. Vua quan triều Nguyễn thế kỷ 19 thấy thế giới chỉ có Trung Quốc nên không thoát Á như Nhật để hiện đại hóa đất nước.

Chỉ xem 60 năm trở lại đây ta thấy Việt Nam toàn chịu ảnh hưởng xấu từ Trung Quốc, trong đó có thảm họa như cải cách ruộng đất. Gần đây hơn, từ thập niên 1990, quan hệ kinh tế theo phương châm “hợp tác toàn diện” làm cho Việt Nam phụ thuộc nhiều vào Trung Quốc một cách rất bất lợi, bất ổn định.

Lẽ ra trong thời đại toàn cầu hóa và hơn nữa Việt Nam từ lâu cũng đã có chủ trương đa phương hóa quan hệ quốc tế, ta chỉ nên xem Trung Quốc là một trong những đối tác và nỗ lực so sánh họ với các đối tác khác trong từng giao dịch để đưa lại lợi ích lớn nhất cho đất nước.

Ôn cố tri tân. Bài này ôn lại 2 sự kiện trong lịch sử 60 năm qua để thấy nếu Việt Nam xem thế giới không phải chỉ có Trung Quốc thì đã tránh được một thảm họa và đã bảo vệ được lợi ích quốc gia. Bài học này càng quan trọng trong giai đoạn hiện nay khi Trung Quốc đang trỗi dậy mạnh mẽ và đang có ý đồ xác lập trật tự mới trên thế giới.

Cải cách ruộng đất ở Trung Quốc và Nhật Bản

Trung Quốc có hai lần cải cách ruộng đất và đều do Mao Trạch Đông phát động. Lần thứ nhất bắt đầu cuối năm 1933 thực hiện trong vùng mà Đảng Cộng sản Trung Quốc làm chủ lúc đó. Lần thứ hai thực hiện từ năm 1950 đến 1954 sau khi Đảng Cộng sản Trung Quốc giành thắng lợi trong cuộc nội chiến Quốc Cộng và lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Mục tiêu và phương pháp thực hiện của hai lần cải cách đều giống nhau nhưng thảm cảnh do cải cách ruộng đất mang lại thì trong lần thứ hai được biết rõ hơn.

Lần thứ nhất bắt đầu tháng 9/1933, sau gần 2 năm khi Đảng Cộng sản Trung Quốc lập Chính phủ Lâm thời Soviet Trung Hoa tại Thụy Kim (tỉnh Giang Tây). Lúc này Mao Trạch Đông đã lập được 15 khu giải phóng và xây dựng ở đó các chính quyền địa phương với tổng số dân độ 10 triệu (lúc đó dân số toàn Trung Quốc độ 400 triệu). Cải cách ruộng đất được thực hiện tại các khu giải phóng này. Mao phát lệnh đề ra phương châm điều tra ruộng đất và phân chia thành phần giai cấp ở nông thôn. Năm thành phần được qui định là địa chủ, phú nông, trung nông, bần nông và cố nông. Địa chủ và phú nông là các thành phần không lao động, chỉ bóc lột, cần phải tịch thu tất cả tài sản ruộng đất. Trung nông là những người có sở hữu ruộng đất nhưng đồng thời cũng trực tiếp làm ruộng, ruộng đất ít nên không bị tịch thu. Bần nông và cố nông là giai cấp bị bóc lột, tất nhiên được nhận ruộng đất sau khi phân chia.

thực hiện cải cách, chính quyền Mao gửi tổ công tác về các địa phương, điều tra và phân loại thành phần giai cấp, tổ chức thành phần bần cố nông thành những nhóm nông cốt để tổ cáo và đấu tranh với địa chủ và phú nông. Tổ công tác xách động các nhóm nông cốt này để họ bắt địa chủ và phú nông đưa ra tố trước quần chúng đang tụ tập ở các đình làng. Họ trói và treo các địa chủ và phú nông trước đám đông rồi tố khổ, kể lể những khổ cực, những bất

công, bị bóc lột mà họ phải chịu. Sau đó những địa chủ, phú nông này bị xử bắn hoặc bị làm nhục phải tự tử, một số khác bị ngược đãi phải chết đói.

Sau khi giành chính quyền, Mao Trạch Đông phát động cải cách ruộng đất trên toàn lục địa, bắt đầu năm 1950 và kéo dài đến 1954, chủ yếu là hai năm đầu. Cách thực hiện cũng giống như lần đầu 17 năm trước. Nhiều nghiên cứu, điều tra về thảm kịch cải cách ruộng đất đầu thập niên 1950 được xuất bản trong thập niên 2010. Nakagane Katsuji, Giáo sư danh dự Đại học Tokyo, đã tham khảo các nghiên cứu, điều tra đó và tổng kết, tóm tắt trong cuốn sách vừa xuất bản (Nakagane 2021).

Sau đây là vài số liệu về số người chết trong cuộc cải cách ruộng đất lần thứ hai dẫn lại trong sách nói trên. Theo kết quả phỏng vấn của khoảng 100 địa chủ may mắn còn sống sót trong cuộc cải cách ruộng đất tại một vùng nông thôn ở Trùng Khánh (Tứ Xuyên) thì ở đó có 448 người bị chết trong 3 năm từ 1950 đến 1952, trong đó 258 người bị bắn, 77 người tự tử và 26 người chết đói.

Trên tổng thể, theo một điều tra so sánh số địa chủ và phú nông trước và sau khi thực hiện cải cách ruộng đất (năm 1950 và 1954) thì trên toàn quốc ước tính có ít nhất 4,7 triệu người chết bất thường (bị giết, tự tử hay bị bỏ đói). Ở đây không kể những người vốn là trung nông nhưng bị quy là phú nông hoặc địa chủ vì những sai lầm (hoặc cố ý) của tổ công tác. Một cán bộ chứng kiến cảnh địa chủ và phú nông bị đánh đập tàn nhẫn trước quần chúng đã báo cáo với Mao Trạch Đông, Mao đã nói là “nông dân đã bị áp bức nhiều năm, khi lửa oán giận của họ được khơi dậy thì bùng cháy không có gì ngăn cản được. Do đó mới có chuyện địa chủ bị đánh đập, hành hạ như vậy”.

Bây giờ ta xem kinh nghiệm cải cách ruộng đất tại Nhật Bản, chỉ thực hiện trước cuộc cải cách ở Trung Quốc vài năm.

Sau khi bại trận trong Thế chiến thứ hai, Nhật Bản bị quân đồng minh, chủ yếu là Hoa Kỳ, chiếm đóng, thống trị từ 30/8/1945 đến 6/9/1951. Cơ quan thống trị là Tổng hành dinh Bộ Tư lệnh quân đội đồng minh (GHQ) do tướng Mac Arthur đứng đầu. Trong thời gian này, nhiều

cải cách trong đó có cải cách ruộng đất được GHQ chủ trương nhưng chủ yếu do chính người Nhật thực hiện.

Trước thế chiến II, cuộc sống của nông dân Nhật rất khó khăn vì tá điền phải nộp gần 1/2 thu hoạch nông sản cho địa chủ. GHQ sợ rằng những người nông dân nghèo này sẵn sàng gia nhập quân đội để thoát cảnh bần cùng, và đó là mầm mống để chủ nghĩa quân phiệt phục hồi. Do đó cần cải cách ruộng đất để giải phóng nông dân. GHQ đã đưa ra Lệnh cải cách ruộng đất vào ngày 9/12/1945. Người đời gọi đó là Lệnh giải phóng nông dân. Dựa theo đó, chính phủ Nhật đưa ra hai dự án luật liên quan vào tháng 7/1946 sau đó quốc hội thông qua và công bố ngày 21/10/1946.

Đất nông nghiệp thuộc đối tượng cải cách là 2 triệu 348 ngàn ha (tương đương 46% tổng diện tích ruộng đất canh tác). Cải cách được thực hiện theo hai đạo luật nói trên, cụ thể theo phương thức sau: Đất của những địa chủ không sống ở vùng có đất thì bị trưng thu (nhà nước mua giá rẻ) toàn bộ, địa chủ sống với đất mình sở hữu thì được tiếp tục sở hữu nhưng không quá 1 ha/người, số còn lại nhà nước trưng thu. Toàn bộ đất trưng thu được bán lại cho nông dân.

Nông dân mua theo giá mỗi tan (tương đương 1.000m²) đất ruộng là 757 yen, đất khô là 446 yen, còn giá tiền tương ứng nhà nước trả cho địa chủ là 978 yen và 577 yen. Địa chủ phải dùng tiền đó mua công trái. Nói khác đi, đất trưng thu từ địa chủ được trả bằng công trái. Để hình dung giá trị số tiền ấy, ta có thể làm vài so sánh như sau. Giá mua từ địa chủ chỉ tương đương với 7% giá trị nông phẩm thu hoạch trên mỗi tan trong một năm, và với vật giá leo thang trong những năm cải cách ruộng đất (1947-49) thì xem như địa chủ bị tịch thu số đất vượt quá quy định mới.

Tuy nhiên, cuộc cải cách ruộng đất đã không gây bất ổn về chính trị, xã hội. Địa chủ chỉ mất tài sản từ ruộng đất nhưng mọi quyền lợi khác của công dân (nhà cửa, tài sản ngoài ruộng đất) được bảo vệ, nhất là nhân phẩm được tôn trọng. Trong thời đại mới, những địa chủ trước đây bây giờ hòa vào cuộc sống mới, những người có tích lũy tài sản thì đầu tư vào các ngành công nghiệp, dịch vụ, còn những người không có vốn thì trở thành nông dân, cùng

canh tác với những người tá điền cũ. Nhiều người đã đánh giá sự kiện cải cách này là cuộc cách mạng trong hòa bình. Trong thư gửi cho thủ tướng Yoshida Shigeru vào tháng 10/1949, Mac Arthur nhận định rằng “đây là cuộc cải cách đưa lại thành quả lớn nhất từ khi có lịch sử loài người” . Cải cách nông nghiệp đã làm cho năng suất nông nghiệp tăng nhanh và tạo sự ổn định trong xã hội nông thôn (Kosai 1981).

Trung Quốc cải cách ruộng đất để tranh thủ ủng hộ của nông dân, lực lượng dân chúng lớn áp đảo thời đó, và từ mục tiêu ý thức hệ, xóa bỏ giai cấp địa chủ, củng cố giai cấp công nông dân và lập lại công bằng xã hội. Mục đích tự nó có thể khẳng định được. Nhưng phương tiện thì quá dã man, tàn bạo. Nhật Bản, ngoài mục đích tăng năng suất nông nghiệp còn có chiến lược ổn định cuộc sống nông dân, tránh tình trạng họ xin tham gia quân đội và dẫn đến khả năng phục hồi chế độ quân phiệt. Nhưng phương tiện để đi đến mục đích thì ôn hòa, không gây đổ máu và hỗn loạn xã hội.

Trong kháng chiến chống Pháp, Việt Minh dựa theo mô hình của Trung Quốc để thực hiện cải cách ruộng đất vào năm 1953. Kết cuộc rất bi thảm như chúng ta đã biết. Tại Hội nghị Trung ương bắt đầu tháng 8 năm 1956 Đảng Lao động Việt Nam đã tự phê bình về sự đi quá đà trong cải cách ruộng đất để gây nên những hy sinh, mất mát to lớn. Nếu hồi đó Việt Nam không nghe theo Trung Quốc, không chỉ biết có Trung Quốc, mà nhìn xa ra một tí để thấy trường hợp của Nhật Bản chẳng hạn thì lịch sử đã khác. Dĩ nhiên khách quan mà nói thì trong tình hình lúc đó lãnh đạo Việt Nam có lẽ khó có thông tin từ những nước ngoài Trung Quốc. Tuy nhiên bài học ở đây là nếu chỉ biết có Trung Quốc thì Việt Nam dễ thất bại.

Vay vốn để phát triển: Trung Quốc hay các nước khác?

Bây giờ bàn về một vấn đề gần đây hơn, đó là việc vay vốn nước ngoài để phát triển. Không kể những quan hệ với Liên xô thời kỳ trước đổi mới, Việt Nam bắt đầu vay vốn viện trợ phát triển (Official Development Assistance, ODA) nhiều từ giữa thập niên 1990. Tuy gọi là “viện trợ” nhưng phần lớn ODA là tiền vay mượn dài hạn, chỉ có một phần nhỏ (chủ yếu trong lĩnh vực giáo dục, y tế) là được tặng. Vì áp dụng theo lãi suất ưu đãi nên ODA được gọi là viện trợ phát triển. Ngoài ODA, nhiều loại vốn vay khác với lãi suất cao hơn và hoàn trả trong thời gian

ngắn hơn được gọi chung là OOF (Other Official Flows). Từ giữa thập niên 1990, Việt Nam dùng nhiều ODA từ Nhật và các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng phát triển châu Á (ADB), nhưng từ khoảng năm 2000, Trung Quốc dần dần có vai trò quan trọng.

Đặc biệt Việt Nam vay của Trung Quốc phần lớn theo hình thái OOF và với những điều kiện rất bất lợi so với vay từ Nhật hay các nước khác. Từ năm 2000 tới năm 2017, Việt Nam vay từ Trung Quốc 1,37 tỉ USD theo hình thái ODA và 16,35 tỉ USD theo hình thái OOF. Như vậy OOF chiếm tới 92% tổng vay của Việt Nam từ Trung Quốc. ODA có lãi suất thấp hơn chỉ chiếm một phần nhỏ. Và so với Nhật Bản, lãi suất ODA của Trung Quốc cao hơn nhiều. Các dự án từ 2000 đến 2017 cho thấy lãi suất vay trung bình của các dự án ODA của Trung Quốc là 3%, trong khi các dự án vay từ Nhật chỉ từ 0,4-1,2% (theo Abuza and Vu, 2021).

Ngoài ra, Trung Quốc còn thắng trong nhiều dự án đấu thầu xây dựng. Những dự án trở thành vấn đề và được báo chí điều tra cho thấy Việt Nam đã ký kết với Trung Quốc theo những điều kiện rất bất lợi. Vấn đề là lãnh đạo và quan chức Việt Nam trong nhiều trường hợp đã không nỗ lực so sánh các điều kiện của Trung Quốc với các nước khác để chọn lựa quyết định có lợi cho đất nước. Đó là không kể khả năng có thể có trường hợp họ cố tình chọn lựa Trung Quốc dù biết là không có lợi bằng chọn lựa nước khác. Trường hợp đường sắt Cát Linh Hà Đông cho thấy ít nhất là những người có trách nhiệm có vẻ chỉ biết có Trung Quốc.

Tháng 6 năm 2015 dư luận trong nước xôn xao về sự kiện Việt Nam mua 13 đoàn tàu của Trung Quốc cho tuyến đường sắt Cát Linh – Hà Đông. Người dân đặt nghi vấn là tại sao phải mua của Trung Quốc, trong khi công nghệ tàu đường sắt của các nước tiên tiến chất lượng cao hơn. Hơn nữa, Việt Nam đang nhập siêu nhiều với Trung Quốc, ai cũng thấy phải cải thiện quan hệ một chiều này.

Bộ trưởng Giao thông Vận tải thời đó là Đinh La Thăng đã giải đáp thắc mắc này trong buổi gặp mặt báo chí ngày 9/6/2015. Tôi thật sự ngạc nhiên nhưng hiểu được lý do tại sao Việt Nam ngày càng lệ thuộc vào kinh tế Trung Quốc trong nhiều phương diện. Sự kiện này cho thấy nhiều lãnh đạo, quan chức Việt Nam, những người quyết định vay vốn nước ngoài,

không hiểu hoặc không chịu tìm hiểu tình hình và chế độ hiện hành trên thế giới để so sánh điều kiện của Trung Quốc với các nước khác, từ đó quyết định chọn nước đối tác có lợi nhất cho Việt Nam.

Trong dự án 13 đoàn tàu nói trên được biết Trung Quốc cho vay vốn và đặt điều kiện phải dùng tiền đó mua tàu của họ. Bộ trưởng Đinh La Thăng bảo rằng nước nào cho vay cũng đặt điều kiện như vậy, chẳng hạn Nhật Bản hay Hàn Quốc cũng như vậy. Điều này hoàn toàn sai. (Trước khi chứng minh nhận định đó là không đúng, ta có thể đặt thêm một câu hỏi nữa: Nếu các nước khác cũng có cùng điều kiện đó, tại sao lại chọn Trung Quốc? Công nghệ của Trung Quốc cao hơn các nước khác sao?)

Vấn đề các nước tiên tiến hỗ trợ vốn vay ưu đãi (ODA) cho các nước đang phát triển có một lịch sử đã trên 50 năm. Trong giai đoạn đầu (khoảng trước thập niên 1980), đúng là hầu hết ODA đều có ràng buộc phải mua máy móc, vật liệu, tư vấn kỹ thuật từ nước cho vay (gọi là tied loan). Sau đó hình thức này dần dần chỉ còn là ngoại lệ, nhường chỗ cho hình thức cho vay không ràng buộc (untied loan) phổ biến hơn. Đó cũng là kết quả của các thỏa thuận giữa Mỹ, Nhật, Pháp, Đức, Anh..., những thành viên trong Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD).

Để cho dễ hiểu và đi ngay vào vấn đề, tôi giới thiệu trường hợp của Nhật Bản tại Việt Nam hiện nay. ODA của Nhật Bản có 2 loại: Loại tặng không (grant) dùng cho lĩnh vực giáo dục, y tế,... và loại cho vay (yen loan) dùng cho việc xây dựng hạ tầng. Loại cho vay cũng có hai hình thức: Vay không ràng buộc trong đó nước đi vay có thể mua vật tư, thiết bị, tư vấn kỹ thuật từ bất cứ nước nào xét thấy có lợi nhất (qua hình thức đấu thầu công khai). Hình thức thứ hai là vay có ràng buộc nhưng điều kiện rất đặc biệt, ưu đãi hơn loại ràng buộc, mà Nhật gọi là STEP (Special Term for Economic Partnership). Loại STEP ràng buộc nên lãi suất thấp hơn nhiều so với loại không ràng buộc. Cần nói thêm là tuy STEP là loại có ràng buộc nhưng các công ty Nhật Bản phải cạnh tranh với nhau trong đấu thầu. Các nước nhận ODA có thể chọn lựa giữa hai hình thức này. Theo tôi biết, hầu hết các nước ASEAN nhận cả hai loại ODA vì loại ràng buộc cũng dễ chấp nhận do lãi suất được ưu đãi hơn loại không ràng buộc và kỹ thuật, công nghệ, máy móc của Nhật được đánh giá cao.

Thực tế ở Việt Nam cho thấy, trong nửa đầu thập niên 2010, bình quân mỗi năm ODA của Nhật Bản cung cấp cho Việt Nam theo hình thức STEP là 45 tỉ yen (lãi suất chỉ có 0,1%) và theo hình thức không ràng buộc là 124 tỉ yen (thời hạn 30 năm, lãi suất 1,4%/năm). Như vậy ODA không ràng buộc vào công ty Nhật Bản chiếm tới 73%, nghĩa là công ty Nhật phải tham gia đấu thầu trong các dự án phát sinh từ nguồn vay này. Tỷ lệ công ty Nhật thắng thầu cũng chỉ có 36%, không phải 100% như nhận định của bộ trưởng nói trên. Ngay cả trường hợp STEP là loại có thể hoàn toàn ràng buộc vào Nhật, công ty Nhật cũng chỉ chiếm 87% vì họ mời các công ty Việt Nam cùng tham gia trong việc cạnh tranh với các công ty khác của Nhật. Một thí dụ là dự án sân bay Nội Bài tuy theo hình thức STEP nhưng được thực hiện bởi công ty Xây dựng Taisei của Nhật và Công ty Vinaconex của Việt Nam, dự án cầu Nhật Tân cũng do một liên doanh giữa Nhật và Việt Nam xây dựng.

Việt Nam hiện còn đang tiếp nhận ODA và ngày càng nhận nhiều OOF. Trách nhiệm của lãnh đạo, của quan chức liên hệ là làm sao phải chọn lựa những nguồn vốn vay với điều kiện ít phí tổn nhất và mang lại hiệu quả lớn nhất. (Xem thêm Trần V Thọ 2016, Ch. 12 và 13).

Trong quan hệ với Trung Quốc, ta đã thấy có nhiều hiện tượng bất bình thường, như nhập siêu lớn trong thời gian dài và đang tiếp tục, doanh nghiệp Trung Quốc trúng thầu hầu hết các dự án trọng điểm trong các ngành quan trọng của Việt Nam, nhiều dự án họ đưa giá rẻ nhưng sau khi thắng thầu họ điều chỉnh giá và thương lượng lại, nhiều dự án không xây dựng đúng tiến độ và nhiều trường hợp công trình mới xây xong đã bị hỏng hoặc xuống cấp, v.v.... Lao động chui và lao động được cấp phép từ Trung Quốc sang cũng nhiều một cách khó hiểu. Mọi giao dịch kinh tế nếu so sánh Trung Quốc với nước khác và chọn trường hợp có hiệu quả nhất sẽ không thấy những hiện tượng ấy.

Vài lời kết:

Trong lịch sử hầu như lãnh đạo Việt Nam chỉ thấy có Trung Quốc. Do đó chẳng những đã bỏ lỡ nhiều thời cơ phát triển đất nước mà có lúc gây tai họa cho dân tộc hoặc không bảo vệ được lợi ích quốc gia.

Trung Quốc là nước lớn lại đang có tham vọng bá quyền. Trong báo cáo chính trị đọc tại Đại hội Đảng tháng 10/2017, Tổng bí thư Tập Cận Bình đã tổng kết tư tưởng của chiến lược phát triển trong giai đoạn tới là “xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc trong thời đại mới”. Chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc thì đã được nói đến từ lâu nhưng ở đây khái niệm ấy được tăng thêm một nội hàm là thời đại mới. Cũng theo ông Tập, cái mới ở đây là xây dựng Trung Quốc thành một cường quốc xã hội chủ nghĩa theo hướng hiện đại và có ảnh hưởng lớn trên vũ đài quốc tế. Cũng trong báo cáo chính trị ấy, ông Tập đã nhắc lại nhiều lần giấc mơ Trung Quốc là sự phục hưng vĩ đại của dân tộc Trung Hoa. Tham vọng thành cường quốc, gây ảnh hưởng lớn trên thế giới để phục hưng một thời đại huy hoàng của dân tộc dĩ nhiên sẽ có tác động lớn đến thế giới; nhất là chiến lược đó lại mang màu sắc riêng, đặc tính riêng của Trung Quốc chứ không theo những giá trị phổ quát như trường hợp những nước lớn đã phát triển (xem Trần V Thọ 2018).

Một số công cụ quan trọng để thực hiện chiến lược kinh tế đối ngoại theo phương châm lớn nói trên là đẩy mạnh thực thi Sáng kiến Một vành đai Một con đường (BRI) phát biểu năm 2013. Mặt khác, đẩy mạnh hoạt động đầu tư nước ngoài của doanh nghiệp Trung Quốc mà các hoạt động này được đặt dưới sự lãnh đạo, kiểm soát của Đảng Cộng sản như Đại hội tháng 10/2017 đã quyết định. Theo đó, nhiều doanh nghiệp đã thay đổi điều lệ, ghi thêm sự chấp nhận để cho **Đảng Cộng sản can dự vào các quyết định kinh doanh. Do đó trong hoạt động đầu tư nước ngoài của doanh nghiệp Trung Quốc, có thể có nhiều trường hợp không chú trọng mục đích kinh tế mà để phục vụ cho các mục tiêu khác do Đảng hoặc nhà nước Trung Quốc chủ trương.**

Một điểm đáng lưu ý thêm là Trung Quốc đang nỗ lực thoát ra ảnh hưởng của hệ thống luật lệ và tòa án, trọng tài thương mại của Anh Mỹ mà phần lớn thế giới đang áp dụng để thiết lập hệ thống riêng của họ (xem Hung Tran 2021). Luật lệ theo cách của Trung Quốc đã xuất hiện nhiều trong các hợp đồng thương mại và đầu tư giữa Trung Quốc và các nước tham gia BRI của họ.

Như vậy một Trung Quốc thời nay vừa lớn mạnh vừa phức tạp hơn trước nhiều. Việt Nam phải khôn ngoan, tinh táo hơn trước. Tất cả các vấn đề kinh tế liên quan với nước ngoài cần có hiểu biết chính xác về chính sách của các nước, về tình hình quốc tế và các quy định hiện hành trên thế giới, từ đó so sánh Trung Quốc với các nước khác để chọn lựa đối tác. Điểm nhấn ở đây là thế giới không phải chỉ có Trung Quốc./.

TRẦN VĂN THỌ

Tư liệu có trích dẫn:

Abuza, Zachary and Phuong Vu (2021), Vietnam's Hidden Debts to China Expose its Political Risks, The Diplomat, Oct. 8.

Hung Tran (2021), China's anti-foreign sanctions law: Companies in the crosshairs, Atlantic Council, June 28.

Kosai Yutaka (1981), Thời đại tăng trưởng cao: Bút ký lịch sử kinh tế Nhật Bản hiện đại, Nhà xuất bản Nihon Hyoronsha (tiếng Nhật)

Nakagane Katsuji (2021), Luận về Mao Trạch Đông: Chân lý từ trên trời rơi xuống, Nhà xuất bản Đại học Nagoya (tiếng Nhật).

Trần Văn Thọ (2016), Cú sốc thời gian và Kinh tế Việt Nam, NXB Tri thức.

Trần Văn Thọ (2018), Đối diện với một Trung Quốc mới Việt Nam sẽ phải làm gì? Thời báo Kinh tế Saigon, số Tết Mậu Tuất.

[Diễn Đàn Forum](#)